

CHƯƠNG V

HỌC THUYẾT GIÁ TRỊ THẮNG DÙ

Nội dung

- I. Sự chuyển hóa của tiền thành tư bản**
- II. Quá trình sản xuất ra giá trị thặng dư**
- III. Tiền công trong CNTB**
- IV. Sự chuyển hóa của giá trị thặng dư thành tư bản - tích lũy tư bản**
- V. Quá trình lưu thông của tư bản và giá trị thặng dư**
- VI. Các hình thái tư bản và các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư**

I. Sự chuyển hóa của tiền tệ thành tư bản

1. Công thức chung của tư bản

+ Xét sự vận động của tiền thông qua 2 công thức:

H-T-H (1) => Công thức lưu thông
HH giản đơn

T-H-T (2) => Công thức lưu thông
của TB

Điểm giống nhau

- Hai sự vận động đều do 2 giai đoạn đối lập là mua và bán hợp thành
- Mỗi giai đoạn đều có 2 nhân tố vật chất đối diện nhau là tiền và hàng
- Luôn có 2 người có quan hệ kinh tế là mua và bán

Điểm khác nhau bề ngoài

- Công thức (1) bắt đầu bằng việc bán và kết thúc bằng việc mua. Điểm xuất phát và điểm kết thúc đều là HH, tiền đóng vai trò trung gian.
- Công thức (2) bắt đầu bằng việc mua và kết thúc bằng việc bán. Tiền vừa là điểm xuất phát vừa là điểm kết thúc, HH chỉ đóng vai trò trung gian.

Điểm khác nhau về bản chất

- Ở công thức lưu thông của tư bản, tiền không chỉ đứt khoát mà là ứng trước rồi lại thu về.
- *Mục đích vận động* của lưu thông HH giản đơn là GTSD (Gạo – Tiền – Vải), còn của lưu thông tư bản là GT và hơn nữa là GT tăng thêm. => Công thức vận động đầy đủ của tư bản là: $T - H - T'$

➤ ***Về giới hạn của sự vận động:*** Ở lưu thông HH giản đơn kết thúc ở giai đoạn 2, khi người trao đổi có được GTSD mà họ cần => có giới hạn. Còn ở lưu thông tư bản, vì mục đích là sự lớn lên của GT (tiền tự sinh sôi, nảy nở trong q.trình v.động), là GT thặng dư nên sự vận động của nó là không có giới hạn:

T - H - T' - H - T'' - H - T''' - H - T_n' - ...

Trong CNTB, mọi tư bản (SX, l.thông, cho vay sinh lợi tức...) đều vận động trong l.thông dưới dạng khái quát: T-H-T'; Vì vậy, công thức này được coi là công thức chung của tư bản.

Mác chỉ rõ: “*Vậy T-H-T' thực sự là công thức chung của tư bản, đúng như nó tr.tiếp thể hiện ra trong l.vực l.thông*”

Khái niệm “*Tư bản*”

❖ Như vậy, *tư bản* là tiền có bản năng tự tăng lên, tự lớn lên, không cần người chủ của nó phải tham gia lao động.

➔ *Tư bản* là giá trị mang lại giá trị thặng dư.

2. Mâu thuẫn của công thức chung của tư bản

$$T - H - T'$$

$$(T' = T + \Delta T)$$

Vậy ΔT ở đâu ra?

Các nhà kinh tế học tư sản cổ chứng minh quá trình lưu thông sinh ra GT thặng dư.

a) Xét trong lưu thông

+ Trao đổi ngang giá =>

Không tạo ra GTTD.

+ Trao đổi không ngang giá =>

Không tạo ra GTTD.

KL: Như vậy, trong lưu thông không tạo ra GTTD.

b) Xét ngoài lưu thông

**==> Tất cả HH và Tiền tệ
đều không có dấu vết
của ΔT (không lý giải
được sự chuyển hóa
của tiền thành TB).**

3. Hàng hóa sức lao động

Trở lại khái niệm “sức lao động” => “Sức lao động là sức thân thể, sức tinh thần tiềm tàng trong con người lao động”, nó có trong mọi thời đại kinh tế.

SLĐ chỉ trở thành HH trong những điều kiện lịch sử nhất định.

• ***Điều kiện để SLĐ trở thành HH***

- **NLĐ được tự do về thân thể**
 - **NLĐ bị tước đoạt hết TLSX**
(Đến CNTB thì hội tụ đủ 2 đ/k này)
- => HH SLĐ là *phạm trù lịch sử*.**

Là HH thì cũng như mọi HH khác, hàng hóa SLĐ cũng có 2 thuộc tính.

Hai thuộc tính của hàng hóa SLĐ

* *Giá trị của hàng hóa sức lao động*

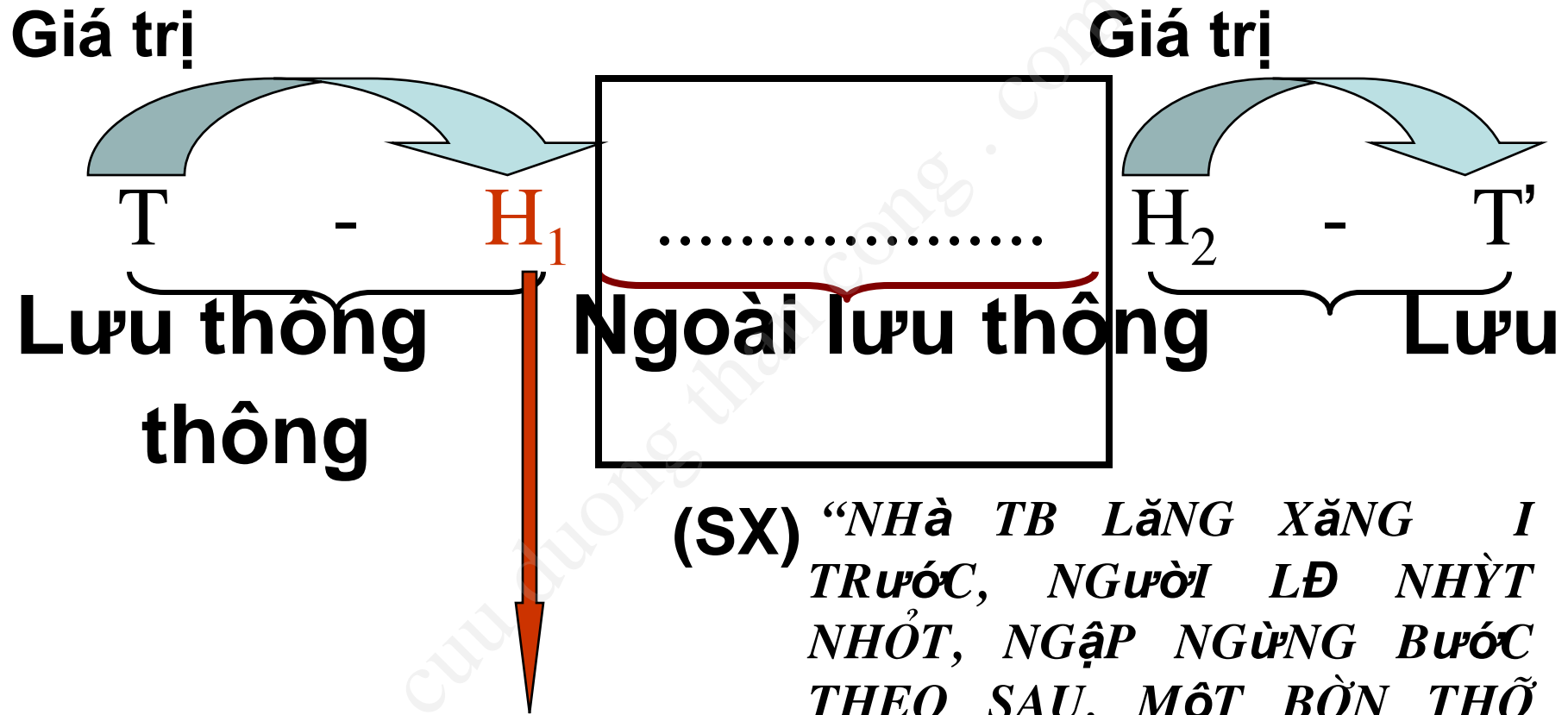
GT của HH SLĐ được đo lường bằng thời gian lao động XH cần thiết để SX và TSX sức lao động. Song người ta không thể trực tiếp đo được giá trị sức lao động mà phải đo gián tiếp thông qua giá trị cần thiết để nuôi sống người CN và gia đình họ (giá trị TLSH).

GTSD của HH sức lao động

Trong lao động, người CN sáng tạo ra một lượng GT mới > giá trị bản thân họ. Độ chênh lệch giữa GT mới với giá trị SLĐ là GTTĐư.

Như vậy, GTSD của HH. SLĐ có tính chất đặc biệt, nó là nguồn gốc sinh ra GTTĐư.

II. Quá trình sản xuất ra giá trị thặng dư



HH Sức lao động

(SX) "NHà TB LăNG XăNG I
TRướC, NGườI LĐ NHỖT
NHỎT, NGậP NGỪNG BướC
THEO SAU. MỘT BỜN THỔ
HỎO HỨC MUỐN BẮT TAY
NGAY VÀO CỤNG VIỆC, MỘT
BỜN THỔ KHỤNG CỬN NHỖN
THẤY TRIỂN VỌNG Nào

1. Sự thống nhất giữa quá trình SX ra GTSD và quá trình SX ra GTTD

1.1. Quá trình SX ra GTSD

- ❖ Là quá trình SX ra của cải vật chất, trong đó có sự kết hợp TLSX và sức lao động.**

❖ Đặc điểm của quá trình SX ra GTSD trong CNTB:

- + TLSX và SLĐ tập trung vào trong tay nhà TB.**
- + Công nhân làm việc dưới sự kiểm soát của nhà TB.**
- + Sản phẩm làm ra thuộc sở hữu của nhà TB.**

1.2. Quá trình SX ra GTTDư

Ta xem xét quá trình sản xuất ra giá trị thặng dư thông qua ví dụ sau:

Ví dụ về quá trình sản xuất trong ngành kéo sợi

**Giả sử để tiến hành SX 10 kg sợi, nhà
tư bản phải ứng ra một số tiền là:**

- 10kg bông g/trị 10 \$**
- Hao mòn máy 2 \$...**
- Tiền công/1 ngày 3 \$**

**Giả sử kéo 10kg bông thành sợi mất 6
giờ và mỗi giờ CN tạo ra 1 giá trị 0,5 \$**

$$\Rightarrow 0,5 \$ \times 6h = 3 \$$$

Nhận xét rút ra từ ví dụ:

- ❖ **Khái niệm “Giá trị thặng dư”**
- ❖ **Sự phân chia ngày lao động thành 2 phần**
- ❖ **Khái niệm “sản xuất ra GTTD”**
- ❖ **Cơ cấu lượng giá trị hàng hóa trong điều kiện CNTB**
- ❖ **Điều kiện để SX ra GTTD**

2. Bản chất của tư bản. Tư bản bất biến (TB BB) và tư bản khả biến (TB KB)

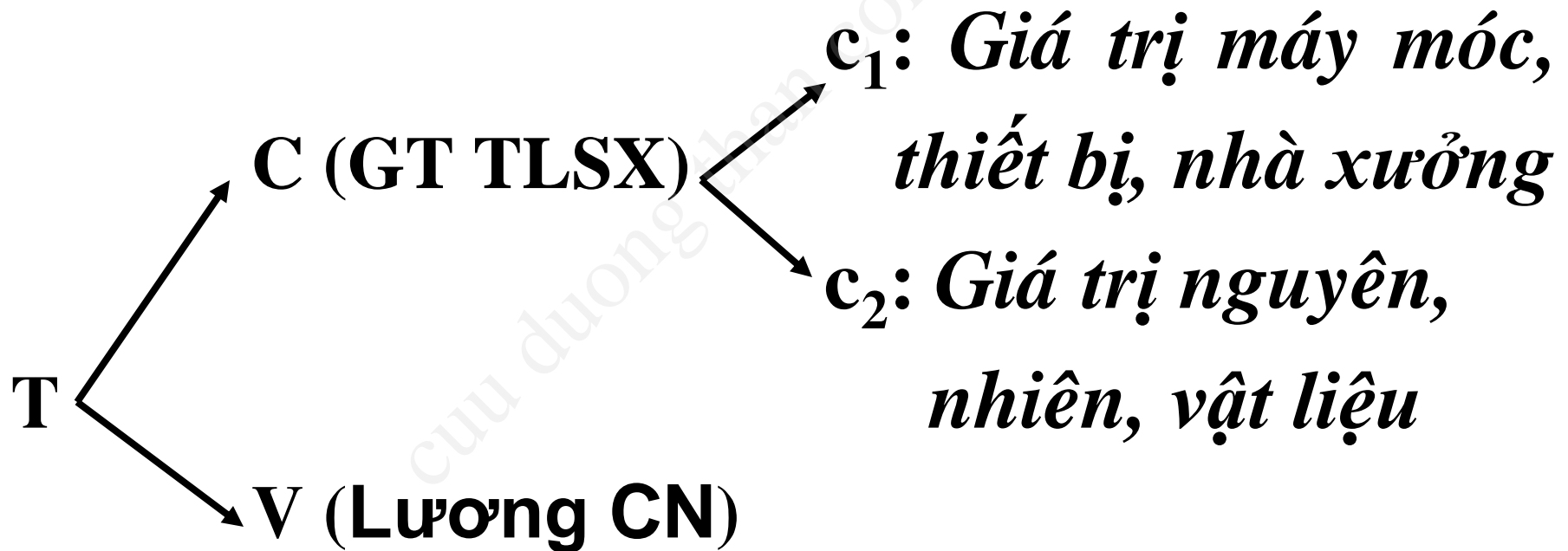
2.1. Bản chất của tư bản

❖ Tư bản là giá trị mang lại giá trị thặng dư bằng cách bóc lột công nhân làm thuê.

❖ Tư bản là một quan hệ xã hội (QHXH) => Trong đó, giai cấp tư sản chiếm đoạt giá trị thặng dư do công nhân sáng tạo ra.

Việc nghiên cứu GTTD được SX ra như thế nào đã vạch rõ bản chất bóc lột của CNTB.

2.2. *Tư bản bất biến* *và Tư bản khả biến*



Khái niệm

TBBB (C) là bộ phận tư bản biến thành **TL SX**. GT của nó được bảo toàn và chuyển vào sản phẩm, tức là không thay đổi về lượng GT trong quá trình **SX**.

Khái niệm

TBKB (V) là bộ phận tư bản biến thành SLĐ, không tái hiện ra, nhưng thông qua lao động trùu tượng của CN làm thuê mà tăng về lượng GT trong quá trình SX .

2.3. Căn Cứ Và Ý NGHĨA CỦA SỰ PHÂN CHIA TBBS VÀ TBKB

❖ Căn cứ phân chia => Phải căn cứ vào tính 2 mặt của LĐ trong quá trình SX ra HH:

+ LĐ cụ thể bảo tồn giá trị của TBBS

+ LĐ trừu tượng s.tạo ra lượng GT mới, trích 1 phần trả lương cho CN.

❖ *Ý nghĩa của sự phân chia:*

➤ *TBBB được xem là điều kiện KQ không thể thiếu đối với quá trình SX GTTD;*

➤ *TBKB được đem thực hiện quá trình trao đổi HH sức lao động là nguồn gốc của GTTD.*

3. Tỷ suất và khối lượng GTTD

❖ *Tỷ suất giá trị thặng dư*

➤ *Khái niệm:* Tỷ suất GTTD là tỷ số tính theo % giữa GTTD và TBKB cần thiết để SX ra GTTD đó.

➤ *Công thức:*

$$m' (\%) = \frac{m}{v} \times 100\%$$

❖ **Khối lượng giá trị thặng dư**

➤ **Khái niệm:** Khối lượng GTTD là tích số giữa tỷ suất GTTD và tổng TBKB đã được sử dụng.

➤ **Công thức:**

$$M = \frac{m}{v} \cdot V$$

$$\Rightarrow M = m' \cdot V$$

4. Hai phương pháp SX GTTD

4.1. Phương pháp SX GTTD tuyệt đối

- ❖ **Khái niệm:** GTTD tuyệt đối là GTTD được tạo ra do kéo dài thời gian LĐ vượt quá thời gian LĐ tất yếu, trong khi NSLĐ xã hội, giá trị sức LĐ và thời gian LĐ tất yếu không thay đổi.

4.2. Phương pháp SX GTTD tương đối

- ❖ Khái niệm : GTTD tương đối là GTTD được tạo ra do rút ngắn thời gian LĐ tất yếu bằng cách nâng cao NSLĐ xã hội, nhờ đó tăng thời gian LĐ thặng dư lên ngay trong điều kiện độ dài ngày LĐ vẫn như cũ.**

Tổng hợp 2 phương pháp SX GTTD

VD: Ngày LĐ 8 giờ (không đổi)

$$\begin{array}{c} \text{4 h} \qquad \qquad \qquad \text{4 h} \\ \hline \text{TGLĐTYếu} \qquad \qquad \text{TGLĐTD} \end{array} \quad m' = \frac{4}{4} \times 100\% = 100\%$$

$$\begin{array}{c} \text{2 h} \qquad \qquad \qquad \text{6 h} \\ \hline \text{TGLĐTYếu} \qquad \qquad \text{TGLĐTD} \end{array} \quad m' = \frac{6}{2} \times 100\% = 300\%$$

❖ *Kết luận:*

Hai phương pháp SX GTTD tương đối và GTTD tuyệt đối được các nhà TB sử dụng kết hợp để nâng cao trình độ và qui mô bóc lột CN.

4.3. Giá trị thặng dư siêu ngạch

❖ Khái niệm :

GTTD siêu ngạch là phần GTTD phụ thêm mà các nhà TB cá biệt thu được do tăng NSLĐ cá biệt, làm cho giá trị cá biệt của HH thấp hơn giá trị thị trường của nó.

❖ ***Biện pháp*** : Để thu được GTTD siêu ngạch, các nhà TB phải áp dụng phương pháp SX tốt nhất để tăng NSLĐ trong XN của mình nhằm giảm GT cá biệt của HH thấp hơn GT xã hội của HH.

❖ *Nhận xét:*

- GTTD siêu ngạch là biến tướng của GTTD tương đối, vì đều dựa trên cơ sở tăng NSLĐ.

➤ **GTTD siêu ngạch chỉ do một số các nhà TB có kĩ thuật tiên tiến thu được. Do vậy, nó không chỉ biểu hiện MQH giữa TB và lao động làm thuê mà còn trực tiếp biểu hiện MQH cạnh tranh giữa các nhà TB.**

5. Sản xuất GTTD - Quy luật kinh tế tuyệt đối của CNTB

- Mỗi PTSX có 1 QLKT tuyệt đối.**
- SX giá trị thặng dư là QL kinh tế tuyệt đối của CNTB vì:**

- Mục đích của sản xuất TBCN là SX ra GTTD**
- Phương tiện để đạt mục đích là tăng cường bóc lột CN làm thuê**

- **Tác động:** Việc theo đuổi GTTD đã chi phối sự vận động của nền kinh tế TBCN trên cả 2 mặt:
- * **Thúc đẩy** => Là động lực vận động, phát triển và quyết định các quá trình kinh tế chủ yếu của CNTB.
 - * **Làm suy thoái** => Làm cho mọi mâu thuẫn, đặc biệt là mâu thuẫn cơ bản của CNTB ngày càng sâu sắc.

III. Tiền công trong CNTB

1. Bản chất kinh tế của tiền công

- ❖ *Khái niệm:* Tiền công là hình thức biểu hiện bằng tiền của giá trị HH SLĐ hay cũng gọi là giá cả của HH SLĐ.
- ❖ *Bản chất:* Trong CNTB tiền công là giá cả của HH SLĐ nhưng lại biểu hiện ra bên ngoài như là giá cả của LĐ.

2. Hai hình thức cơ bản của tiền công trong CNTB

- ❖ *Tiền công trả theo thời gian*, là hình thức tiền công mà số lượng của nó ít hay nhiều tùy theo thời gian lao động (ngày, giờ, tháng) của công nhân dài hay ngắn.

Gía cả của 1h lao động là thước đo chính xác mức tiền công tính theo thời gian.

❖ ***Tiền công trả theo sản phẩm***, là hình thức tiền công mà số lượng của nó phụ thuộc vào số lượng sản phẩm hay số lượng những bộ phận của sản phẩm mà công nhân đã sản xuất ra hoặc số lượng công việc đã hoàn thành.

3. Tiền công danh nghĩa và tiền công thực tế

- ❖ ***Tiền công danh nghĩa*** là số tiền mà người CN nhận được do bán sức lao động của mình cho nhà TB.
- ❖ ***Tiền công thực tế*** là tiền công được biểu hiện bằng số lượng HH tiêu dùng và dịch vụ mà CN mua được bằng tiền công danh nghĩa của mình.

❖ Xu hướng vận động của tiền công thực tế trong CNTB

Xu hướng chung của SX
TBCN không phải là nâng
cao mức tiền công trung
bình mà là hạ thấp mức tiền
công ấy.

Iv. Sự chuyển hóa của GT thẳng dư thành tư bản - Tích lũy tư bản

1. Thực chất và động cơ của tích lũy tư bản

a) *Khái niệm*

- ❖ *Tái SX* \Rightarrow Là quá trình SX được lặp đi lặp lại liên tục không ngừng.**
- ❖ *Tái SX giản đơn* \Rightarrow Là quá trình tái SX được lặp lại với qui mô như cũ.**

❖ ***Tái SX mở rộng => Là quá trình SX được lặp lại với qui mô lớn hơn trước (gắn liền với nền SX lớn và là đặc trưng của nền SX lớn)***

❖ ***Tái SX mở rộng CNTB => Là sự lặp lại quá trình SX với một qui mô lớn hơn trước và với một tư bản lớn hơn trước.***

b) Điều kiện để có tái SX mở rộng:

\Rightarrow Phải có tích lũy TB

m  **m_1 : tích lũy cho tái SX mở rộng**

m_2 : cho tiêu dùng cá nhân

\rightarrow Tích lũy TB là sự chuyển hóa trở lại một phần của GTTD thành tư bản phụ thêm.

c) Những nhân tố ảnh hưởng đến

quy mô tích lũy tư bản

- **Trình độ bóc lột sức lao động bằng những biện pháp: Tăng CĐLĐ, kéo dài ngày lao động, cắt giảm tiền lương của CN;**
- **Trình độ năng suất lao động XH;**
- **Sự chênh lệch giữa tư bản được sử dụng và tư bản đã tiêu dùng;**
- **Qui mô của tư bản ứng trước.**

2. Tích tụ và tập trung TB

a) Khái niệm:

- ❖ **Tích tụ TB là sự tăng quy mô của TB cá biệt bằng cách tích lũy TB.**
- ❖ **Tập trung TB là sự tăng quy mô của TB cá biệt bằng cách kết hợp nhiều TB nhỏ lại thành một TB mới lớn hơn, nhưng qui mô tổng TB xã hội không thay đổi.**

3. Cấu tạo hữu cơ của tư bản

a) Cấu tạo của tư bản

- ❖ **Về mặt hình thái hiện vật => Cấu tạo kĩ thuật của TB**
- **Khái niệm:** Cấu tạo kĩ thuật của TB là tỷ lệ giữa số lượng TLSX và số lượng SLĐ sử dụng những TLSX đó trong quá trình SX.
- **Cấu tạo kĩ thuật phản ánh sự biến động về LLSX trong CNTB.**

❖ *Về mặt hình thái giá trị =>*

Cấu tạo giá trị của TB

- ***Khái niệm:*** Cấu tạo giá trị của TB là tỷ lệ giữa số lượng giá trị của TB_B và số lượng giá trị của TB_K cần thiết để tiến hành SX.
- **Cấu tạo giá trị của TB phản ánh sự biến động về QHSX trong CNTB.**

b) Cấu tạo hữu cơ của tư bản

- ❖ ***Khái niệm: Cấu tạo hữu cơ của tư bản*** là cấu tạo giá trị của TB trong chừng mực do cấu tạo kĩ thuật quyết định, phản ánh tình trạng cấu tạo kĩ thuật của TB.
- ❖ **Cấu tạo hữu cơ của TB phản ánh mối quan hệ hữu cơ giữa cấu tạo kĩ thuật và cấu tạo giá trị của TB.**

- ☐ Trong CNTB, cấu tạo hữu cơ của TB ngày càng tăng là một quy luật kinh tế.
- ☐ Khi cấu tạo hữu cơ của TB tăng, (v) sẽ giảm một cách tương đối so với (c) => nhu cầu về SLĐ giảm.
- ☐ Do đó, tăng cấu tạo hữu cơ của TB là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến nạn thất nghiệp trong CNTB. Còn nguyên nhân sâu xa của nạn thất nghiệp lại chính là ở QHSX TBCN.